

Số: /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp khép kín, quy mô 6.700 con heo nái, 72.000 con heo thịt tại thôn 4, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 13CV/NH2024 ngày 05 tháng 12 năm 2024, Công văn số 01CV/NH2025 ngày 14 tháng 01 năm 2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 59/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025, ý kiến các Thành viên UBND tỉnh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước (sau đây gọi là Chủ cơ sở; địa chỉ tại ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp khép kín, quy mô 6.700 con heo nái, 72.000 con heo thịt tại thôn 4, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Cơ sở) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của Cơ sở:**

**1.1.** Tên Cơ sở: Trang trại chăn nuôi heo công nghiệp khép kín.

**1.2.** Địa điểm thực hiện: Thôn 4, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

**1.3.** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 3801167359 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 5 năm 2024.

**1.4.** Mã số thuế: 3801167359.

**1.5.** Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp khép kín.

**1.6.** Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích là 468.322,8 m<sup>2</sup>.
- Quy mô: 6.700 con heo nái, 72.000 con heo thịt.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

**2.1.** Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Tờ trình này.

**2.2.** Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**2.3.** Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**2.4.** Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước:

**1.** Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.** Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước có trách nhiệm:

**2.1.** Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

**2.2.** Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

**2.3.** Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Phụ lục ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**2.4.** Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

**2.5.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (kể từ ngày ký ban hành Giấy phép

này).

**Điều 4.** Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 5.**

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Phú Riềng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope;
- Lưu: VT<sub>(BH-05-GPMT-03/3)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI:**

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở (khoảng 725,67 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở với công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý 1, 2 (tổng thể tích khoảng 40.245 m<sup>3</sup>), nước thải sau đó được chia thành 02 dòng tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý được dùng để tưới cây: Khoảng 475,04 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong khuôn viên Cơ sở (áp dụng cho các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm). Chủ cơ sở cam kết tưới 3 lần/tuần vào mùa khô (từ tháng 11 năm trước đến hết tháng 4 năm sau), mùa mưa tưới 1 lần/tuần (từ tháng 5 đến hết tháng 10), phần nước thải còn lại của mùa mưa sẽ được lưu chứa trong các hồ chứa nước sau xử lý, không thải ra môi trường.

- Nước thải sau xử lý dùng để tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động rửa chuồng: Khoảng 250,63 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Lượng nước này được Chủ cơ sở bơm lên các bể chứa nước xả ngầm tại các dãy chuồng để vệ sinh chuồng nuôi. Chủ cơ sở cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho vệ sinh chuồng của trang trại.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước tập trung để xử lý bằng đường ống PVC, HDPE và các hố ga. Cụ thể như sau:

+ Tại khu nái: Được thu gom bằng đường ống PVC DN200/300 và các hố ga dẫn về bể điều áp (thể tích khoảng 286 m<sup>3</sup>) → Đường ống HDPE DN200, dài khoảng 485 m → Hố ga nước thải (V = 6,25 m<sup>3</sup> - bố trí gần khu bồn ủ lên men số 2/3 - thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu nái) → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu thịt) → Hố ga nước thải (V =

0,6 m<sup>3</sup> - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 (L = 19,3 m) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hố ga tập trung (V = 0,8 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Tại khu thịt: Được thu gom bằng đường ống PVC DN 200/300 và các hố ga → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu nái) → Hố ga nước thải (V = 0,6 m<sup>3</sup> - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 (L = 19,3 m) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hố ga tập trung (V = 0,8 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Tại khu xử lý nước thải: Được thu gom bằng đường ống PVC DN150, dài khoảng 54 m → Đường ống PVC DN400 (L = 19,3 m) và hố ga (01 hố ga - bao gồm nước thải từ trại nái, trại thịt và nước thải ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Hố ga tập trung (V = 0,8 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải chăn nuôi (bao gồm nước rửa chuồng, nước tiểu heo và tắm heo): Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng các mương hở bằng bê tông cốt thép, chống thấm vào các hầm chứa phân; sau đó theo đường ống PVC DN 200/300 (cùng với nước thải từ các nhà sát trùng trước khi vào chuồng) và các hố ga dẫn → Đường ống HDPE DN200, PVC DN300, PVC DN400 và các hố ga → Hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Cụ thể như sau:

#### + Khu nái:

Nước thải từ khu heo giống cấp ông bà + heo giống, khu heo đực, khu cách ly: Được thu gom bằng các mương hở bằng bê tông cốt thép, chống thấm (kích thước mỗi mương dài x rộng x sâu = 159 m x 2,4 m x (0,7 ÷ 1,1) m) vào các hầm chứa phân. Sau đó theo đường ống PVC DN 200/300 (cùng với nước thải từ các nhà sát trùng trước khi vào chuồng) và các hố ga dẫn về bể điều áp (thể tích V = 286 m<sup>3</sup>, bao gồm cả nước thải phát sinh từ khu quản lý) → Đường ống HDPE DN200, dài khoảng 485 m → Hố ga nước thải (V = 6,25 m<sup>3</sup> - bố trí gần khu bồn ủ lên men số 2/3 - thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu nái) → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu thịt) → Hố ga nước thải (V = 0,6 m<sup>3</sup> - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 (L = 19,3 m) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hố ga tập trung (V = 0,8 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Nước thải từ khu heo giống cấp bố mẹ: Được thu gom bằng các mương hở bằng bê tông cốt thép, chống thấm (kích thước mỗi mương dài x rộng x sâu = 159 m x 2,4 m x (0,7 ÷ 1,1) m) vào các hầm chứa phân. Sau đó theo đường ống PVC DN 200/300 (cùng với nước thải từ các nhà sát trùng trước khi vào chuồng) và các

hố ga → Hồ ga nước thải ( $V = 6,25 \text{ m}^3$  - bố trí gần khu bồn ủ lên men số 2/3 - thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu nái) → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu thịt) → Hồ ga nước thải ( $V = 0,6 \text{ m}^3$  - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 ( $L = 19,3 \text{ m}$ ) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hồ ga tập trung ( $V = 0,8 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất  $875 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

+ Khu thịt: Được thu gom bằng các mương hở bằng bê tông cốt thép, chống thấm (kích thước mỗi mương dài x rộng x sâu =  $65 \text{ m} \times 3 \text{ m} \times (0,7 \div 1,1) \text{ m}$ ) vào các hầm chứa phân. Sau đó theo đường ống PVC DN 200/300 (cùng với nước thải từ các nhà sát trùng trước khi vào chuồng) và các hố ga → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu nái) → Hồ ga nước thải ( $V = 0,6 \text{ m}^3$  - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 ( $L = 19,3 \text{ m}$ ) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hồ ga tập trung ( $V = 0,8 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất  $875 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nước thải từ quá trình sát trùng xe: Được thu gom bằng đường ống PVC DN 300 (dài khoảng 63 m) và các hố ga (7 hố) dẫn về hố gom ( $V = 18 \text{ m}^3$ ) → Hồ ga trung chuyển 1/2 ( $V = 14,4 \text{ m}^3/\text{hố}$ ) → Đường ống HDPE/PVC DN90 (dài khoảng 10 m) → Hồ thu gom nước thải ( $V = 300 \text{ m}^3$ , hồ đất lót bạt chống thấm HDPE) → Đường ống HDPE DN90 (dài khoảng 800 m) → Hồ chứa nước sau xử lý số 2 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất  $875 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nước thải từ các nhà tắm sát trùng:

+ Nước thải từ các nhà sát trùng cấp 1, cấp 2 và nhà sát trùng vào chuồng khu nái: Được thu gom bằng đường ống PVC DN 200/300 và các hố ga dẫn về bể điều áp (thể tích  $V = 286 \text{ m}^3$ , bao gồm cả nước thải phát sinh từ khu heo nái đơi 1 + heo giống, khu heo đực và khu cách ly) → Đường ống HDPE DN200, dài khoảng 485 m → Hồ ga nước thải ( $V = 6,25 \text{ m}^3$  - bố trí gần khu bồn ủ lên men số 2/3 - thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ khu nái) → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu thịt) → Hồ ga nước thải ( $V = 0,6 \text{ m}^3$  - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 ( $L = 19,3 \text{ m}$ ) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hồ ga tập trung ( $V = 0,8 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất  $875 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

+ Nước thải từ các nhà sát trùng cấp 1, cấp 2 và nhà sát trùng vào chuồng khu thịt: Được thu gom bằng các đường ống PVC DN 200/300 và các hố ga → Đường ống PVC DN300 và các hố ga (bao gồm thêm toàn bộ nước thải từ khu nái) → Hồ ga nước thải ( $V = 0,6 \text{ m}^3$  - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm thêm nước ngưng tụ từ cầu khí biogas) → Đường ống PVC DN400 ( $L = 19,3 \text{ m}$ ) và hố ga (01 hố ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) →

Hồ ga tập trung ( $V = 0,8 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nước thải từ khu vực tách phân (bao gồm: nước từ quá trình tách phân và nước rỉ từ phân): Đối với nước thải từ quá trình tách phân: Thu gom bằng ống PVC DN160 (dài khoảng 7 m) → Bể keo tụ - tạo bông 1 của hệ thống xử lý nước thải. Đối với nước rỉ từ phân tách nước: Được thu gom bằng mương hở bằng bê tông (kích thước dài x rộng x sâu = 5 m x 0,1 m x 0,1 m) → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Nước từ máy ép bùn (bao gồm: nước từ quá trình ép bùn và nước rỉ từ bùn sau ép): Thu gom bằng ống PVC DN90 (dài khoảng 15 m) và PVC DN110 (dài khoảng 15 m) → Hồ ga ( $V = 0,075 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN300, dài khoảng 30 m → Hồ ga (thể tích  $V = 16 \text{ m}^3$ , bố trí bơm 60  $\text{m}^3/\text{h}$ ) → Đường ống HDPE DN75, dài khoảng 30 m → Bể aerotank 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Đối với nước thải ngưng tụ từ cầu khí biogas: Nước phát sinh theo đường ống PVC DN300, dài khoảng 35 m → Hồ ga nước thải ( $V = 0,6 \text{ m}^3$  - bố trí tại khu xử lý nước thải - bao gồm nước thải từ trại nái, trại thịt) → Đường ống PVC DN400 ( $L = 19,3 \text{ m}$ ) và hồ ga (01 hồ ga - bao gồm thêm nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại khu xử lý nước thải) → Hồ ga tập trung ( $V = 0,8 \text{ m}^3$ ) → Đường ống PVC DN400, dài khoảng 2 m → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 875  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở là 725,67  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 875  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom; Nước sát trùng xe → Hồ chứa nước sau xử lý số 2; Nước sát trùng người → Bể thu gom; Nước thải chăn nuôi → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể sục khí → Bể trung gian → Bể UASB → Bể anoxic 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể lắng sinh học 1 → Bể anoxic 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học 2 → Bể châm hóa chất → Bể trung gian → Bể phản ứng tiếp xúc → Bể keo tụ - tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý (02 hồ).

Nước thải phát sinh từ Cơ sở được xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; sau đó được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) trong phạm vi Cơ sở theo quy định của pháp luật và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích rửa chuồng. Trong đó:

Nước thải sau xử lý dùng để rửa chuồng khoảng 250,63  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  (nước thải từ các hồ chứa nước thải sau xử lý được bơm lên các bể chứa nước xả ngầm tại các dãy chuồng (bằng đường ống HDPE D90) → Theo đường ống PVC 60 đi

xịt rửa tại các mương phân). Nước thải sau xử lý để tưới cây khoảng 475,04 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (nước thải được lưu chứa trong các hồ chứa nước thải sau xử lý tổng dung tích khoảng 40.245 m<sup>3</sup>, Chủ cơ sở cam kết tưới 3 lần/tuần vào mùa khô (từ tháng 11 năm trước đến hết tháng 4 năm sau), mùa mưa tưới 1 lần/tuần (từ tháng 5 đến hết tháng 10), phần nước thải còn lại của mùa mưa sẽ được lưu chứa trong các hồ chứa nước sau xử lý, không thải ra môi trường. Chủ cơ sở không được phép xả thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động kể cả trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Chủ cơ sở phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại của trang trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: 875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC (hoặc vôi, than hoạt tính), polymer (cation và anion), javel, NaOH (chỉ dùng khi hóa chất keo tụ - tạo bông là than hoạt tính) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đối với hầm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom, dùng vào mục đích sinh hoạt và phần còn dư được đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố (kích thước: diện tích x sâu = 2.600 m<sup>2</sup> x 5 m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE), sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại. Tùy vào công đoạn xảy ra sự cố mà nước sẽ được hoàn lưu về công đoạn thích hợp.

**1.5. Vị trí, phương thức và chế độ tưới cây:**

- Vị trí tưới cây: Khu đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Chăn nuôi New Hope Bình Phước đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri CU 795914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 26942 ngày 10 tháng 11 năm 2020.

- Diện tích tưới cây: 270.309,24 m<sup>2</sup>.

- Lưu lượng tưới lớn nhất: Khoảng 475,04 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Phương thức tưới: Nước từ các hồ chứa nước thải sau xử lý được Chủ cơ sở dùng máy bơm để bơm nước theo hệ thống ống HDPE D90 đến các ống nhánh HDPE 20 mm và tưới vào các khu vực cần tưới (tưới gốc cho cây trồng) trong khuôn viên Cơ sở theo quy định. Chủ cơ sở tiến hành tưới thủ công và tưới tự động, tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây trồng theo quy định.



- Chế độ tưới: Nước thải được tưới gián đoạn với định mức tưới 05 - 15 lít/m<sup>2</sup>/lần, tần suất tưới 03 lần/tuần vào mùa nắng và 01 lần/tuần vào mùa mưa (bao gồm cây keo lá trầm, chuối laba,...).

- Chất lượng nước thải trước khi tưới tiêu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong phạm vi Cơ sở theo quy định pháp luật.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT trước khi tưới cây. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tưới cây để thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động, kể cả trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Đối với việc sử dụng nước thải sau xử lý cho hoạt động rửa chuồng trại, Chủ cơ sở phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tái sử dụng cho rửa chuồng của trang trại.

**3.2.** Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích tưới cây trồng.

**3.3.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

**3.4.** Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**3.5.** Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và kiểm soát nước thải; đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường.

**3.6.** Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường

**3.7.** Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ cơ sở phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND  
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu heo giống cấp ông bà (công suất 500 KVA).
- Nguồn số 02: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu heo giống cấp bố mẹ (công suất 800 KVA).
- Nguồn số 03: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu trại thịt - máy số 1 (phục vụ cho khu văn phòng thịt, khu 1 + khu 4 heo thịt, công suất 630 KVA).
- Nguồn số 04: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu trại thịt - máy số 2 (phục vụ cho khu 2 + khu 5 heo thịt, công suất 630 KVA).
- Nguồn số 05: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu trại thịt - máy số 3 (phục vụ cho khu 3 + khu 6 heo thịt, công suất 630 KVA).
- Nguồn số 06: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng khu xử lý nước thải (công suất 630 KVA).
- Nguồn số 07: Từ quá trình hoạt động của máy thổi khí khu xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn số 01: Tọa độ X = 558693; Y = 1289836

Nguồn số 02: Tọa độ X = 558822; Y = 1289846.

Nguồn số 03: Tọa độ X = 558541; Y = 1289335.

Nguồn số 04: Tọa độ X = 558652; Y = 1289435.

Nguồn số 05: Tọa độ X = 558664; Y = 1289516.

Nguồn số 06: Tọa độ X = 558474; Y = 1289663.

Nguồn số 07: Tọa độ X = 558406; Y = 1289652.

*(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106<sup>o</sup>15', múi chiếu 3<sup>o</sup>).*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Cơ sở góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

**2.3.** Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	14 02 02	Rắn/Lỏng	7.000
2	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	16 01 06	Rắn/Lỏng /Bùn	2.000
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	17 02 03	Rắn	100
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	18 01 01	Lỏng	300
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì thuốc thú y thải)	18 01 02	Rắn	8.000
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	700
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải)	18 01 04	Rắn	4.000
8	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 02 01	Rắn	5.000
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	19 06 05	Rắn	500
10	Các loại pin, ắc quy khác		Rắn	15
<b>Tổng số lượng</b>				<b>27.615</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Phân heo (trước khi ép)	570.000 kg/tháng
2	Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai heo	7.763 kg/tháng
3	Tắm làm mát thải bỏ	1.580 kg/tháng
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	50.280 kg/tháng

5	Bao bì nylon thải	600 kg/tháng
6	Nhóm giấy	120 kg/tháng

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	200
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>200</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 30 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích kho: 30 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, tường xây gạch tô 2 mặt, có mái che, nền bê tông chống thấm.

- Đối với phân heo: Đưa qua 02 máy tách phân. Phân sau tách nước được lưu giữ tại nhà chứa phân tách nước (diện tích 180 m<sup>2</sup>), sau đó, được chuyển vào bồn ủ phân (6 bồn ủ, kích thước mỗi bồn: đường kính x chiều cao = 5,5 m x 10 m) có phối trộn men vi sinh để lên men hữu cơ). Phân sau ủ được đóng bao (25 - 50 kg/bao) và lưu giữ trong nhà chứa phân (diện tích 720 m<sup>2</sup>) và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định.

+ Diện tích: Nhà chứa phân tách nước có diện tích 180 m<sup>2</sup>; nhà chứa phân có diện tích 720 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, nền bê tông, cột thép, tường xây gạch 1,5 m, phần còn lại dựng tôn, mái lợp tôn.

- Đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn (kích thước: dài x rộng x sâu = 9,35 m x 5,6 m x 5,5 m). Bùn từ bể chứa bùn, sau đó được bơm lên 02 máy ép bùn (công suất 30 - 45 m<sup>3</sup>/h) để ép nước ra khỏi bùn. Bùn sau ép được lưu giữ tại nhà chứa phân (diện tích 720 m<sup>2</sup>) và

được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định. Nhà chứa phân có kết cấu: nhà 1 tầng, nền bê tông, cốt thép, tường xây gạch 1,5 m, phần còn lại dựng tôn, mái lợp tôn.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.3.1. Thiết bị lưu chứa:** Thùng chứa bằng nhựa.

**2.3.2. Kho lưu chứa:** Diện tích 36 m<sup>2</sup> (bố trí gần hầm hủy xác). Kết cấu: nền bê tông, cốt thép, tường xây gạch 0,8 m, còn lại dựng tôn, mái lợp tôn. Định kỳ 1 lần/tuần đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Hoạt động tự xử lý chất thải:**

Công trình tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hiện tại Chủ cơ sở đang sử dụng phương án xử lý xác heo chết không do dịch bệnh như sau:

- Loại chất thải tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 7.763 kg/tháng.
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai → Thu gom → Hầm hủy xác.

Chủ cơ sở đã xây dựng 01 hầm hủy xác với kích thước: dài x rộng x sâu = 24 m x 06 m x 06 m. Hầm hủy xác có kết cấu đáy, tường và nắp đáy bằng bê tông cốt thép, đáy chống thấm. Hầm hủy xác bố trí khung lưới che chắn có bổ sung chế phẩm khử mùi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

**1. Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ cơ sở báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.**

**2.** Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**3.** Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

**4.** Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

**5.** Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

**1.** Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

**2.** Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

**3.** Đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ bể UASB và hầm ủ xác:

- Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại, tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; không chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM tại khu vực phát sinh mùi. Bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Khu vực hệ thống xử lý nước thải: Sử dụng thêm chế phẩm EM để phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất 02 lần/ngày; hệ thống mương dẫn nước thải là hệ thống kín, để tránh phát sinh mùi ra ngoài môi trường; đối với hầm hồ sự cố: phủ bạt HDPE dưới lớp lót đáy có bề dày 0,75 mm, phủ trên 1,5 mm để tránh thủng và phát sinh mùi ra ngoài.

- Khu vực ép phân, ép bùn, khu vực nhà để phân, khu tập kết rác sinh hoạt: Phun chế phẩm EM với tần suất 04 lần/ngày để giảm thiểu mùi hôi.

- Khu vực hầm ủ xác heo: Rắc vôi bên trong và bên trên bề mặt khu vực hồ ủ xác với khối lượng 0,8 kg/m<sup>2</sup> hoặc phun chlorine với nồng độ 02% với lượng 0,2 - 0,25 lít/m<sup>2</sup> khi xử lý xác heo chết không do dịch bệnh; phun chế phẩm EM lên xác heo chết không do dịch bệnh để hạn chế mùi hôi phát sinh và nguy cơ dịch bệnh nếu có...

- Chủ cơ sở bố trí trồng cây xanh phía sau các quạt hút và khu vực Cơ sở đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích Cơ sở để giảm thiểu mùi hôi phát tán xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ cơ sở sử dụng thêm chế phẩm EM để phun vào những vị trí phát sinh mùi.

- Đối với khí từ bể UASB:

+ Toàn bộ lượng khí biogas hình thành được lưu chứa trong túi khí (thiết bị lưu trữ khí), thể tích  $V = 150 \text{ m}^3$ , sau đó theo đường ống thép đi vào thiết bị đốt khí biogas tự động. Chủ cơ sở trang bị thiết bị đốt tự động khí gas phát sinh, công suất 80 m<sup>3</sup>/h. Hệ thống đốt khí biogas bao gồm một đầu đốt biogas chính và các bộ phận bổ sung như van chống cháy ngược, van điều khiển, bộ đánh lửa, tủ điện điều



hiển. Hệ thống đốt khí gas hoạt động hoàn toàn tự động theo nguyên lý áp suất với 02 sensor cảm biến áp suất được cài đặt ở mức 3 và 5 bar (hoặc tùy theo chế độ cài đặt). Khi sensor 2 sáng đèn thì cảm biến điện sẽ mở, lúc này bộ phận đánh lửa sẽ thực hiện đánh lửa và đốt khí gas phát sinh.

+ Khí biogas được đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định bằng các thiết bị chuyên dụng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

+ Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khí dư kín chuyên dụng giúp hạn chế tiếng ồn và ngọn lửa.

+ Đường ống dẫn khí biogas sử dụng vật liệu chống ăn mòn (uPVC/thép không gỉ) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí biogas ra môi trường. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí. Kiểm tra nước đọng trong ống dẫn khí, kiểm tra ống dẫn khí không bị cong, gập.

- Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh Cơ sở luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

**4.** Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

**5.** Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

**6.** Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Cơ sở.

**7.** Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**8.** Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**9.** Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**10.** Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./